



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

5. 3.

887. Yo vadataṃ pavaro manujesu
sakyamunī bhagavā katakicco,
pāragato balaviriyasamaṅgī
taṃ sugataṃ saraṇatthamupehi.

888. Rāgavirāgamanejamasokaṃ¹
dhammamasāṅkhatamappaṭṭikūlaṃ,
madhuramimaṃ paguṇaṃ suvibhattaṃ
dhammamimaṃ saraṇatthamupehi.

¹ aneñjamasokaṃ - Syā.

5. 3.

887. “Vị nào là quý cao trong số các bậc thuyết giảng của loài người, bậc Hiền Trí dòng Sakya, đức Thế Tôn, có phận sự đã làm xong, đã đi đến bờ kia, có được sức mạnh và sự tinh tấn; người hãy đến gần đấng Thiện Thệ ấy với mục đích nương nhờ.¹

888. Giáo Pháp này không nhiễm ái luyến, không dục vọng, không sầu muộn, không bị tạo tác, không đáng ghét, ngọt ngào, có sự hoàn thiện, khéo được phân tích; người hãy đến gần Giáo Pháp này với mục đích nương nhờ.

¹ Ba câu kệ 887-889 là lời khuyên của đức Phật đến người thanh niên Bà-la-môn Chatta.

889. Yattha ca dinnamahapphalamāhu
catusu¹ sucīsu purisayugesu,
aṭṭha ca puggaladhammadasā² te
saṅghamimaṃ saraṇatthamupehī³ 'ti.³
890. Na tathā tapati nabhasmiṃ⁴ suriyo
cando ca⁵ na bhāsati na phusso,
yathā atulamidaṃ⁶ mahappabhāsaṃ
ko nu tvaṃ tidivā mahiṃ upagā.⁷
891. Chindati ca⁸ raṃsi pabhaṅkarassa⁹
sādhikaṃ¹⁰ vīsati yojanāni ābhā,
rattimpi ca¹¹ yathā divaṃ karoti
parisuddhaṃ vimalaṃ subhaṃ vimānaṃ.
892. Bahupadumavicittapuṇḍarīkaṃ¹²
vokiṇṇaṃ kusumehi nekacittaṃ,¹³
arajavirajahemajālacchannaṃ
ākāse tapati yathāpi suriyo.
893. Rattambarapītavāsasāhi¹⁴
agarupiyaṅgu¹⁵ candanussadāhi,
kañcanatanusannibhattacāhi
paripūraṃ gaganamaṃva tārakāhi.
894. Naranāriyo bahuketthanekavaṇṇā
kusumavibhūsitābharaṇettha sumanā,
anilapamuñcikā¹⁶ pavanti surabhiṃ¹⁷
tapanīyavitatā suvaṇṇacchadanā.¹⁸
895. Kissa samadamassa¹⁹ ayaṃ vipāko
kenāsi kammaphalenidhūpapanno,
yathā ca te adhigatamidaṃ vimānaṃ
tadanupadaṃ²⁰ avacāsi iṅgha puṭṭho 'ti.
896. Yamidhapathe²¹ samecca māṇavena
satthānusāsi anukampamāno,
tava ratanavarassa dhammaṃ sutvā
karissāmī ti ca bravittha chatto.

¹ catūsu - Ma, Syā.

² puggaladhammaddasā - Syā.

³ upehi - Ma, PTS.

⁴ nabhe - Ma.

⁵ ca - itisaddo Syā. potthake na dissate.

⁶ yathā tulam idaṃ - Syā, PTS.

⁷ upāgā - Ma, PTS; upāgami - Syā.

⁸ chindati - Ma.

⁹ pabhākarassa - Syā.

¹⁰ sādika - Ma, Syā, PTS.

¹¹ rattimapi - Ma.

¹² bahūpadumavicitrapuṇḍarīkaṃ - Syā.

¹³ nekavicittaṃ - Syā.

¹⁴ ratambarapītavāsasāhi - Ma; rattakambalapītavāsasāhi - Syā.

¹⁵ agalūpiyaṅguka - Syā.

¹⁶ anilapamuñcitā - Ma, Syā, PTS.

¹⁷ surabhi - Syā.

¹⁸ suvaṇṇachannā - Ma;
suvaṇṇachadanā - Syā;
suvaṇṇacchādanā - PTS.

¹⁹ saṃyamassa - Ma, PTS;
kamma - Syā.

²⁰ tadanurūpaṃ - Syā.

²¹ sayamidhapathe - Ma.

889. Và nơi nào người ta đã nói vật được bố thí là có quả báu lớn, (tức là) ở bốn đời của hạng người trong sạch, tám hạng ấy là các cá nhân đã nhìn thấy Giáo Pháp; người hãy đến gần Hội Chúng này với mục đích nương nhờ.”

890. “Không giống như mặt trời chói sáng ở bầu không gian, mặt trăng và sao Phussa đều không chiếu sáng giống như người này, vị có ánh sáng vĩ đại, không thể đo lường; người là ai mà đã từ cõi Tam Thập đi đến trái đất?¹

891. Ánh sáng với sự vượt trội hai mươi do-tuần cắt đứt các ánh hào quang của mặt trời, và làm cho ban đêm cũng giống như ban ngày. Thiên cung là hoàn toàn trong sạch, không bụi bặm, xinh đẹp.

892. Với nhiều sen trắng, sen hồng nhiều màu sắc, được trộn lẫn với các bông hoa, được tô điểm theo nhiều cách, được bao phủ bởi mạng lưới vàng không bụi, sạch bụi, (Thiên cung ấy) chói sáng ở không trung cũng giống như mặt trời.

893. Với các tấm vải màu đỏ và y phục màu vàng, với các chất bôi thơm như là *agaru*, *piyangu*, và trầm hương, với các làn da mềm mại tựa như vàng, (Thiên cung ấy) được hoàn mãn tựa như bầu trời được hoàn mãn nhờ vào các vì sao.

894. Ở đây, có nhiều người nam người nữ với nhiều sắc thái, ở đây là những người có thiện tâm, có các đồ trang sức được tô điểm với các bông hoa, được tự do theo làn gió, tỏa ra hương thơm, được trải rộng với (dây buộc bằng) vàng (ở bím tóc), có y phục bằng vàng.

895. Quả thành tựu này là do sự an tịnh và rèn luyện nào? Do kết quả của việc làm nào mà người đã được sanh ra ở nơi đây? Và như thế nào mà người đã được ngự đến cung điện này? Nào, đã được hỏi, người hãy nói về điều ấy theo từng phần một.”

896. “Bởi vì, tại nơi đây, ở con đường lộ, bậc Đạo Sư, sau khi gặp gỡ với người thanh niên trong khi thương xót, đã giáo huấn. Sau khi lắng nghe Giáo Pháp thuộc về báu vật cao quý của Ngài, Chatta đã nói rằng: ‘Tôi sẽ thực hiện.’

¹ Ba câu kệ 890-895 là lời đức Phật hỏi vị Thiên tử Chatta, hậu thân của người thanh niên Bà-la-môn Chatta đã bị bọn cướp giết chết và đã được sanh lên cõi Trời.

897. Jinavarapavaraṃ¹ upehi² saraṇaṃ
 dhammañcāpi tatheva bhikkhusaṅghaṃ,
 no ti paṭhamaṃ avocāhaṃ³ bhante
 pacchā te vacanaṃ tathevakāsiṃ.
898. Mā ca pāṇavadhaṃ vividhaṃ carassu⁴ asuciṃ
 na hi pāṇesu asaṅghataṃ avaṇṇayiṃsu sappaññā,
 no ti paṭhamaṃ avocāhaṃ³ bhante
 pacchā te vacanaṃ tathevakāsiṃ.
899. Mā ca parajanassa rakkhitampi
 ādātābhamamaññittha⁵ adinnaṃ,
 no ti paṭhamaṃ avocāhaṃ³ bhante
 pacchā te vacanaṃ tathevakāsiṃ.⁶
900. Mā ca parajanassa rakkhitāyo
 parabhariyā⁷ agamā anariyametaṃ,
 no ti paṭhamaṃ avocāhaṃ³ bhante
 pacchā te vacanaṃ tathevakāsiṃ.
901. Mā ca vitathaṃ aññathā abhāṇi⁸
 na hi musāvādaṃ avaṇṇayiṃsu sappaññā,
 no ti paṭhamaṃ avocāhaṃ³ bhante
 pacchā te vacanaṃ tathevakāsiṃ.
902. Yena ca purisassa apeti saññā
 taṃ majjaṃ parivajjayassu sabbaṃ,
 no ca paṭhamaṃ avocāhaṃ³ bhante
 pacchā te vacanaṃ tathevakāsiṃ.
903. Sāhaṃ⁹ idha pañcasikkhā karitvā
 paṭipajjitvā tathāgatassa dhamme,
 dvepathamagamāsiṃ coramajjhe
 te maṃ tattha vadhiṃsu bhogahetu.
904. Ettakamidaṃ anussarāmi kusalaṃ
 tato paraṃ na me vijjati aññaṃ,
 tena sucaritena kammunāhaṃ
 uppanno¹⁰ tidivesu kāmakāmī.
905. Passa khaṇamuhuttaṃ saññamassa
 anudhammapaṭipattiyā vipākaṃ,
 jalamiva yasasā samekkhamānā
 bahukā maṃ pihayanti hīnakammā.¹¹

¹ jinapavaraṃ - Syā.

² upemi - bahūsu.

³ avocāhaṃ - Ma.

⁴ vividhamācarassu - Syā.

⁵ ādātābhamamaññittha - Ma.

⁶ Imā gāthā Syā potthake na dissate.

⁷ parabhariyāyo - Syā.

⁸ abhāṇi - Ma, PTS; abhaṇi - Syā.

⁹ svāhaṃ - Ma, Syā, PTS.

¹⁰ upapanno - bahūsu.

¹¹ hīnadhammā - Syā; hīnakāmā - PTS.

897. ‘Người hãy đi đến nương nhờ đấng Jina cao quý tối thượng, luôn cả Giáo Pháp nữa, và tương tự y như thế (với) Hội Chúng tỳ khuru.’ Thưa Ngài, đầu tiên tôi đã nói: ‘Không;’ sau đó tôi đã làm đúng theo lời nói của Ngài.

898. Và người chớ thực hành việc giết hại sanh mạng theo nhiều cách, không trong sạch, bởi vì các bậc thiện trí đã không ngợi khen việc không kiềm chế đối với các sanh mạng. - Thưa Ngài, đầu tiên tôi đã nói: ‘Không;’ sau đó tôi đã làm đúng theo lời nói của Ngài.

899. Và người chớ nghĩ đến vật đã được gìn giữ thuộc về người khác, vật không nên được lấy đi, vật không được cho. - Thưa Ngài, đầu tiên tôi đã nói: ‘Không;’ sau đó tôi đã làm đúng theo lời nói của Ngài.

900. Và người chớ đi đến những người vợ của kẻ khác, những người nữ đã được gìn giữ bởi người nam khác; việc này là không thánh thiện. - Thưa Ngài, đầu tiên tôi đã nói: ‘Không;’ sau đó tôi đã làm đúng theo lời nói của Ngài.

901. Và người chớ nói việc không đúng sự thật, theo cách thức sai khác, bởi vì các bậc thiện trí đã không ngợi khen lời nói dối trá. - Thưa Ngài, đầu tiên tôi đã nói: ‘Không;’ sau đó tôi đã làm đúng theo lời nói của Ngài.

902. Và do vật nào mà sự nhận biết của con người lìa khỏi, người hãy lánh xa tất cả chất say ấy. - Thưa Ngài, đầu tiên tôi đã nói: ‘Không;’ sau đó tôi đã làm đúng theo lời nói của Ngài.

903. Tôi đây, ở nơi này, sau khi làm theo năm điều học, sau khi thực hành theo Giáo Pháp của đức Như lai, đã đi con đường nối liền hai ngôi làng, ở giữa những kẻ cướp. Chúng đã giết hại tôi ở tại nơi ấy vì nguyên nhân của cải.

904. Tôi nhớ lại điều tốt đẹp này chỉ có chừng ấy; tôi không biết về điều gì khác hơn thế nữa. Do nghiệp đã khéo được thực hành ấy, tôi đã được sanh lên ở các cảnh giới chư Thiên, có các dục theo sự ao ước.

905. Xin Ngài hãy nhìn xem quả thành tựu của sự thu thúc trong giây lát trong phút chốc nhờ vào sự thực hành thuận theo Giáo Pháp. Trong lúc nhìn thấy tôi tựa như đang chói sáng nhờ vào danh tiếng, nhiều người, có nghiệp hạ liệt, ganh tỵ với tôi.

906. Passa katipayāya desanāya
 sugatiṃ camhi gato sukhañca patto,
 ye ca te satataṃ¹ suṇanti dhammaṃ
 maññe te amataṃ phusanti khemaṃ.
907. Appampi² kataṃ mahāvipākaṃ
 vipulaṃ hoti tathāgatassa dhamme,
 passa katapuññatāya chatto
 obhāseti paṭhaviṃ yathāpi suriyo.
908. Kimidaṃ kusalaṃ kimācarema³
 iccekehi⁴ samecca mantayanti,
 te mayaṃ punareva laddhamānusattaṃ⁵
 paṭipannā viharemu⁶ sīlavanto.
909. Bahukāro manukampako⁷ ca satthā⁸
 iti me sati agamā divādivassa,
 svāhaṃ upagatomhi saccanāmaṃ
 anukampassu punapi suṇoma⁹ dhammaṃ.
910. Ye cidha¹⁰ pajahanti kāmarāgaṃ
 bhavarāgānusayaṃ¹¹ pahāya mohaṃ,
 na ca te puna upenti¹² gabbhaseyyaṃ
 parinibbānagatā hi sītibhūtā ”ti.

Chattamāṇavakavimānaṃ.

¹ sattañca - Syā.

² appakampi - Syā, PTS.

³ kusalaṃ ācarema - PTS.

⁴ icceke hi - Ma, Syā, PTS.

⁵ punadeva laddhā mānussattaṃ - Syā.

⁶ vicāremu - Syā.

⁷ anukampako - Ma.

⁸ ca me satthā - Syā.

⁹ suṇemu - Ma, PTS; suṇomi - Syā.

¹⁰ yedha - Syā, PTS, Su.

¹¹ bhavarāgānusayañca - Ma, PTS; bhavarāgānussayañca - Syā..

¹² na ca te punamupenti - Ma; na ca te upenti - Syā.

906. Xin Ngài hãy nhìn xem, nhờ vào sự thuyết giảng chút ít, tôi đã đi đến cõi Trời và đã đạt đến an lạc. Còn những người nào thường xuyên lắng nghe Giáo Pháp, tôi nghĩ rằng những người ấy chạm đến Bất Tử, sự an toàn.

907. Việc đã được làm, đầu chỉ chút ít, ở Giáo Pháp của đức Như Lai là có quả thành tựu vĩ đại, bao la. Xin Ngài hãy nhìn xem, với phước thiện đã làm, Chatta làm cho trái đất chói sáng, thậm chí giống như mặt trời.

908. Việc tốt đẹp này là gì? Chúng ta nên thực hành điều gì? Nhiều người, sau khi gặp nhau bàn thảo như thế. Chúng ta đây đã đạt được bản thể nhân loại thêm lần nữa; đã được đạt đến, chúng ta hãy sống có giới hạnh.

909. Và bậc Đạo Sư, với nhiều sự tiếp độ, bậc có lòng thương tưởng, đã đi đến với tôi vào lúc sáng sớm, khi tôi còn sống, tôi đây đã đi đến gặp bậc có tên là Sự Thật (nói rằng): ‘Xin Ngài hãy thương tưởng, hãy để chúng tôi nghe Giáo Pháp thêm lần nữa.’

910. Và ở đây, những vị nào dứt bỏ sự luyến ái ở các dục, sau khi dứt bỏ sự tiềm ẩn về hữu ái, và si mê, các vị ấy không đi đến thai bào lần nữa, bởi vì các vị đã ngự đến cảnh giới Niết Bàn, có trạng thái mát mẻ.”

Thiên Cung của Thanh Niên Bà-la-môn Chatta.